ITÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày:16/01/2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân.

2. Ông Lê Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 514/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Hồng Ng,** sinh năm: 1989, địa chỉ: Số A, ấp V, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (Chị Ng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Huy Ph,** sinh năm: 1991, địa chỉ: Số A, ấp V, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (Anh Ph vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn đề ngày 16/11/2022, bản tự khai đề ngày 15/12/2022, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 14/12/2022, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Huy Ph kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/5/2011. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, anh Ph hay ghen nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Cuối năm 2013, chị dẫn theo con lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, từ đó chị và anh Ph không gặp nhau, không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ph đã không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Ph có 01 con chung là **Nguyễn Hoàng H,** sinh ngày 09/4/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Ng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Huy Ph mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Ph đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn thực hiện chưa đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào nội dung trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa chị Ng và anh Ph đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung giữa vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Ng. Về hôn nhân, chị Ng được ly hôn anh Ph. Ghi nhận việc chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị Ngân, anh Ph có 01 con chung là **Nguyễn Hoàng H,** sinh ngày 09/4/2011, từ nhỏ cháu H đã sống cùng với mẹ, cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ, do đó đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Ng được tiếp tục nuôi con chung. Ghi nhận chị Ng không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Hồng Ng và anh Nguyễn Huy Ph là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Ph hiện đang cư trú tại Số A, ấp V, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Ph vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; chị Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng và anh Ph.

[2] Về hôn nhân: Chị Ng và anh Ph tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/5/2011 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị Ng cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, thường xuyên cự cãi. Chị Ng và anh Ph đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh Ph vắng mặt không tham gia hòa giải, điều đó cho thấy anh Ph không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống, nhưng hiện chị Ng và anh Ph sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, nay chị Ng xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Phong. Từ đó có cơ sở để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng và anh Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngân. Ghi nhận việc chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Ngvà anh Ph có 01 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 09/4/2011. Qua kết quả xác minh của Tòa án cho thấy từ khi vợ chồng chị Ngvà anh Ph sống ly thân vào năm 2013 cho đến nay thì anh Ph đã không còn gặp lại cháu H, không thăm nom, chăm sóc con chung. Xét thấy ngay từ khi cháu H còn nhỏ cho đến nay thì chị Ng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và cháu H vẫn phát triển bình thường. Như vậy có căn cứ cho rằng việc Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt cho cháu H. Việc chị Ng nuôi cháu H là phụ hợp với nguyện vọng của cháu H, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Ng. Ghi nhận chị Ng không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng Ng là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Ng được ly hôn với anh Nguyễn Huy Ph. Ghi nhận việc chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Chị Ngđược trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 09/4/2011. Ghi nhận việc chị Ngkhông yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ph có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh Ph lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Ng có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Ph.

Vì lợi ích của con chung, chị Ng, anh Ph hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ng đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010602 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Ng đã nộp xong án phí.

Chị Ng, anh Ph có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thanh Lan